

Số: **58** /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày **05** tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO
THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ NGÂN SÁCH
Tại kỳ họp thứ 10-HĐND tỉnh khoá VI
(Từ ngày 09 đến ngày 11 tháng 12 năm 2013)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế Ngân sách thẩm tra **06 Báo cáo, Đề án và Dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế-Ngân sách trình kỳ họp thứ 10-HĐND tỉnh Khoá VI**. Trên cơ sở xem xét các Báo cáo, Đề án do UBND tỉnh trình kỳ họp, đối chiếu với các Nghị quyết của HĐND tỉnh, quy định của pháp luật và kết quả làm việc trực tiếp với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan; Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra làm rõ những nội dung liên quan trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định:

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH
VỀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2013
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2014.

Xét Tờ trình số 4022/TTr-UBND kèm theo Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2013 và kế hoạch phát triển KT-XH năm 2014, Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

I. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2013.

Ban KTNS đồng tình với báo cáo và nhận định:

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế trong nước đang gặp nhiều khó khăn thách thức, chậm được phục hồi; Quảng Trị cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tác động của những khó khăn chung đó, đặc biệt trong điều kiện nội lực nền kinh tế của tỉnh còn thấp, phụ thuộc hơn 70% cân đối từ ngân sách Trung ương, cùng với thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, gây thiệt hại nặng nề đến đời sống, sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy, chính quyền các cấp và sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình KT-XH của tỉnh trong năm 2013 cơ bản vẫn giữ ổn định và đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các ngành, lĩnh vực.

1. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

Báo cáo đã phản ánh khá toàn diện trên từng ngành, từng lĩnh vực, so sánh kết quả thực hiện 21 chỉ tiêu tổng hợp về KTXH, nêu lên những kết quả nổi bật, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân cũng như đối chiếu so sánh kết quả cụ thể của 21 chỉ tiêu KT-XH theo Nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra năm 2013 như sau:

- Đã có 13/21 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Giảm 02 chỉ tiêu so với năm 2012 (năm 2012 có 15/21 đạt và vượt)

- 08/21 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch (04 chỉ tiêu kinh tế; 01 chỉ tiêu văn hóa và 03 chỉ tiêu về môi trường). Trong đó:

Có 05/21 chỉ tiêu gần đạt kế hoạch (Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Tổng thu ngân sách trên địa bàn; Tỷ lệ độ che phủ rừng; Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch và Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh).

03/21 chỉ tiêu đạt thấp và không có khả năng hoàn thành kế hoạch (Tốc độ tăng trưởng GDP; Sản lượng khai thác thủy sản, Tỷ lệ hộ giảm nghèo).

2. Đánh giá nhận định về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và những khó khăn, trở ngại trong thực hiện các nhiệm vụ KT-XH năm 2013.

Ban KTNS-HĐND tỉnh thấy rằng: Đánh giá một cách tổng thể về thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH trong năm 2013 là năm gặp nhiều khó khăn nhất, đầu tư công bị cắt giảm mạnh, phụ thuộc thu cân đối ngân sách Trung ương vẫn ở mức cao; doanh nghiệp hoạt động cầm chừng; nông nghiệp nông thôn chịu thiệt hại nặng nề do thiên tai dịch bệnh; công nghiệp, xây dựng và thu hút đầu tư chưa tạo được động lực mạnh, nổi bật đề thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế...

Ban KTNS thấy cần bổ sung thêm một số vấn đề nhận định sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là một trong 08 chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu theo Nghị quyết HĐND tỉnh đạt thấp so với kế hoạch đề ra, chỉ đạt 6,7%/(KH 8,5-9%), đây là mức tăng trưởng đạt thấp nhất trong 10 năm trở lại đây và 3 năm đầu của thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 đã nói lên sự khó khăn tổng hợp chung của nền kinh tế.

Với kết quả này, mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế những năm còn lại khó đạt được Kế hoạch theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 15 và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2011-2015 của HĐND tỉnh đã đề ra.

- Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân tăng 8,5%, cao hơn mức tăng của tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP (6,7%) đã cho thấy những khó khăn rất lớn trong thực hiện các cân đối lớn, cải thiện sức mua thị trường, ổn định lãi suất ... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp sau nhiều năm duy trì tốc độ tăng trưởng khá; nhưng sau khi chịu ảnh hưởng thiệt hại nặng nề do Bão số 10 và số 11 gây ra cùng với dịch bệnh, giá cả đầu vào tăng cao và không ổn định đã làm tốc độ tăng

trường và giá trị xuất khẩu của ngành nông nghiệp giảm sút mạnh, chỉ đạt 1,8%/KH 2,5-3%.

Đặc biệt là thiệt hại nặng nề của cây cao su **tiểu điền** sau bão gây tâm lý không **ổn định** cho người dân trồng cao su. **Dự** kiến giá trị sản xuất và **xuất khẩu** của ngành nông nghiệp trong năm 2014 tiếp tục sẽ bị giảm sút nếu chưa có được những giải pháp khắc phục cụ thể, hiệu quả.

- Lĩnh vực công nghiệp chưa thu hút được các dự án đầu tư lớn tạo ra giá trị thúc đẩy **tăng** trưởng kinh tế; Tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý mặc dù có tăng 19,7% so với **kế hoạch** (tăng 323,073 tỷ đồng) nhưng **chỉ** bằng 90,4% KH vốn cùng kỳ do vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cho địa phương dần bị **cắt giảm**. **Nợ** đọng xây **dựng** cơ bản và **nợ** các khoản vay ngân sách tỉnh phải trả trong năm 2014 và các năm **về** sau là áp lực trong việc cân đối vốn ngân sách tỉnh đầu tư để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế.

(Đến cuối năm 2013 tổng các khoản ngân sách tỉnh vay và **tạm ứng** của Trung Ương là **491,58 tỷ đồng, vượt 4,5 lần** theo quy định của Luật Ngân sách và Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 25/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. (Theo quy định số dư **nợ** huy động không vượt quá **30%** dự toán chi đầu tư XDCB hàng năm **ngân sách cấp tỉnh**; (năm 2013 dự toán chi ĐTXDCB là 366,7 tỷ đồng $\times 30\% = 110$ tỷ đồng)); **nợ** đọng XDCB ngân sách tỉnh đến cuối năm 2013 hiện còn 81,216 tỷ).

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 3.016 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký hoạt động, (tăng 29,4% so với cùng kỳ) và số lượng doanh nghiệp tuyên bố phá sản, giải thể và tạm ngừng hoạt động có xu hướng giảm còn 28% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa cao, chưa có cơ chế hỗ trợ giúp doanh nghiệp phát triển **ổn định**. (**Đặc biệt**, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực XDCB và kinh doanh VLXD sau khi Chính phủ thực hiện chính sách giảm đầu tư công).

- Công tác quản lý quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến nông lâm sản (cà phê, sắn, cao su, lâm sản) còn nhiều bất cập, chưa rà soát để ưu tiên doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu gắn với vùng quy hoạch nguyên liệu, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. **Đặc biệt** hiện nay tình trạng thiếu nguyên liệu chế biến, **cạnh tranh** không lành mạnh và gây ô nhiễm môi trường trong chế biến nông-lâm sản **chậm** được giải quyết dứt điểm.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn gần đạt **kế hoạch** đề ra, đây là năm nền kinh tế tỉnh nhà vẫn còn rất khó khăn, nhưng đạt được như vậy là thể hiện sự nỗ lực phấn đấu cao của ngành tài chính, thuế, hải quan, kho bạc và cộng đồng doanh nghiệp người nộp thuế trong cả tỉnh.. Thu nội địa vượt dự toán khá, thu ngân sách từ hoạt động **xuất** nhập khẩu đạt 570 tỷ đồng, bằng 68,3% dự toán.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu mặc dù đạt và vượt **kế hoạch** đề ra (**xuất khẩu** đạt 118/KH 110 triệu USD, **nhập khẩu** đạt 140/KH 140 triệu USD). - Chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm còn ở mức cao, ngoài chi chuyển nguồn do thực hiện các chính

sách an sinh xã hội và nhiệm vụ cấp bách Chính phủ bổ sung cuối năm. Còn lại chủ yếu các khoản tạm ứng vốn xây dựng cơ bản của các chủ đầu tư chậm quyết toán; Vì vậy UBND tỉnh cần sớm có giải pháp mạnh để chấn chỉnh. (Theo Kho bạc Nhà nước tỉnh, năm 2012 tổng chi chuyển nguồn là 519,72 tỷ đồng; nhưng riêng nguồn tạm ứng vốn XD CB các chủ đầu tư chuyển niên độ gần 257 tỷ đồng, chiếm 50% chuyển nguồn năm 2012 qua năm 2013).

- Cần có đánh giá khách quan về hiệu quả của công tác giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững để có giải pháp chỉ đạo điều hành phù hợp, bền vững; đặc biệt tình trạng doanh nghiệp hoạt động khó khăn; lao động thất nghiệp, sinh viên ra trường chưa có việc làm; nhiều nông dân nghèo bị thiệt hại nặng sau ảnh hưởng của các cơn Bão; doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội khi phải giải quyết được chế độ cho người lao động.

Qua giám sát thấy rằng, tình hình hoàn thuế VAT đến ngày 31/10/2013 đạt 514 tỷ đồng là mức khá cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Vì vậy, đề nghị ngành chức năng có báo cáo đánh giá bổ sung về công tác thu và hoàn thuế VAT của hoạt động xuất nhập khẩu.

II. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội năm 2014.

*** Về các chỉ tiêu chủ yếu về KT-XH năm 2014.**

Trong 21 chỉ tiêu KTXH đề ra trong kế hoạch năm 2014 có 20 chỉ tiêu trùng nội dung như năm 2013 và cơ bản đảm bảo tăng trưởng hợp lý, đã có những chỉ tiêu phấn đấu bằng và cao hơn chỉ tiêu bình quân của KH 5 năm 2011-2015.

Riêng về chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đặt ra đạt trên 7% (nông-lâm – ngư nghiệp trên 2%, CN-XD trên 8% và dịch vụ trên 9%) là phù hợp với những dự báo về khó khăn chung của nền kinh tế và kết quả thực hiện trong 3 năm liền kề (năm 2011 chỉ đạt 9,6%, năm 2012 đạt 8%, năm 2013 là 6,7%), nhưng lại quá thấp so với mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2011-2015 (BQ GDP từ 12-13%, N-L-TS từ 3,5-4%, CN-XD 18-19%, DV từ 10-11%).

Vì vậy, đề nghị HĐND tỉnh cần có sự chỉ đạo và xem xét điều chỉnh từ tình hình thực tế để có những đánh giá, nhận định và dự báo về mục tiêu tăng trưởng kinh tế thời kỳ 5 năm 2011-2015 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Năm 2014 tăng thêm chỉ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ; đây cũng là một chỉ tiêu cần thiết để bổ sung vào hệ thống đánh giá tổng hợp cơ cấu kinh tế của tỉnh của ngành thương mại dịch vụ nhằm chỉ đạo điều hành phải phù hợp với mục tiêu Kế hoạch 5 năm của HĐND tỉnh và của Chính phủ.

- Giảm bớt nội dung chỉ tiêu : *Hệ thống thủy lợi của 30 xã điểm...đáp ứng yêu cầu sản xuất*.

Ban KTNS nhận thấy: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là một Chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, được nhân dân đồng thuận cao và chính quyền các cấp có nhiều nỗ lực cố gắng, gắn kết với nhiệm vụ thực hiện kế hoạch phát triển KTXH thường xuyên hàng năm. Tuy nhiên, kế hoạch, tiến độ và cơ

chế huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện mục tiêu xây dựng NTM toàn tỉnh chưa rõ.

Vì vậy, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cần có một báo cáo tổng hợp lộ trình về kế hoạch, tiến độ và cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị từ nay đến năm 2015 và dự kiến đến năm 2020 trình HĐND tỉnh xem xét, bổ sung vào danh mục các chỉ tiêu KTXH chủ yếu hàng năm nhằm chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện.

*** Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.**

Ban KTNS cơ bản đồng tình như Báo cáo UBND tỉnh trình và xin kiến nghị một số nội dung sau:

1. Để chủ động chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt Kế hoạch phát triển KTXH trong năm 2014; ngay từ đầu năm, UBND tỉnh sớm xây dựng chương trình hành động, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành, địa phương tổ chức tham mưu thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh Ủy và Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KTXH, đầu tư XDCB và dự toán ngân sách năm 2014.

2. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, giải pháp điều hành của Chính phủ: Trong đó, trọng tâm ưu tiên tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, phục hồi nhịp độ tăng trưởng gắn với từng bước thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển. Bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế đối ngoại. Củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí.

3. Trong nông nghiệp-nông thôn:

- Ưu tiên tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Đông xuân và theo kế hoạch sản xuất năm 2014 thắng lợi; tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và xử lý kịp thời dịch bệnh gây hại trên cây trồng, vật nuôi. Đảm bảo an toàn các công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn, ưu tiên bố trí từ nguồn kinh phí khắc phục bão lụt để đầu tư sửa chữa, chủ động phục vụ tưới tiêu và ứng phó với các sự cố sạt lở do thiên tai gây ra trong năm 2014 và những năm sau.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả thiệt hại bão lụt của năm 2013. Trên cơ sở hội nghị kế hoạch đánh giá việc trồng cây cao su tại Miền Trung của Bộ NN&PTNT tổ chức, tỉnh cần rà soát để định hướng xây dựng phương án vùng quy hoạch trồng mới cây cao su hợp lý và tìm giải pháp kinh tế kỹ thuật lâu dài hỗ trợ người dân trồng cao su thích ứng với vùng khí hậu đất đai thổ nhưỡng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình giống cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Tổ chức rà soát lại quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến nông lâm sản trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường các

nhà máy chế biến; ưu tiên vùng nguyên liệu cho các nhà máy đầu tư dây chuyền chế biến sâu nông lâm sản, gắn với hỗ trợ định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm (nhất là vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ ván MDF giai đoạn 2 công suất 120.000m³/năm và các nhà máy chế biến nông sản cà phê, tinh bột sắn và cao su).

- Tăng cường chỉ đạo tổng thể về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; có cơ chế thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư hạ tầng các dự án cho nông nghiệp nông thôn với thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới đảm bảo đồng bộ, bền vững không chạy theo thành tích, đặc biệt tập trung ưu tiên cho các mục tiêu đến năm 2015.

4. Hoàn thành một số quy hoạch phát triển công nghiệp trọng điểm của tỉnh như: Quy hoạch Khu Đông Nam; quy hoạch sử dụng điện khí; quy hoạch khoáng sản và mỏ vật liệu xây dựng. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án động lực phát triển của tỉnh. Đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm đang thực hiện.

5. Ban hành một số cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nội tỉnh tháo gỡ khó khăn như: Tạo điều kiện các doanh nghiệp nội tỉnh được tham gia đấu giá mỏ khai thác chế biến VLXD khi đã hết hạn cấp phép; hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa; doanh nghiệp XDCB nội tỉnh tham gia các dự án đầu tư trên địa bàn để giải quyết vấn đề lao động, việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách.

Tổ chức rà soát định hướng để tái cấu trúc, đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nội tỉnh hoạt động hiệu quả. Tích cực chỉ đạo hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước tỉnh đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc chuyển đổi cổ phần hóa theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2011-2015; Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế HTX.

6. Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất đầu tư phát triển mở rộng quỹ đất, tạo nguồn thu đấu giá đất bổ sung vốn đầu tư phát triển. Thực hiện đúng lộ trình trả nợ huy động các nguồn vốn vay và tạm ứng ngân sách tỉnh theo cam kết. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về quản lý vốn đầu tư theo các Chỉ thị số: 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 và Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng các nhà thầu chậm thanh toán công trình chờ tăng giá và chủ đầu tư để tạm ứng vốn chuyển nguồn năm sau ngày càng tăng.

7. Đẩy mạnh quá trình giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản để người dân ổn định và yên tâm đầu tư sản xuất. Tập trung xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tiếp tục rà soát, kiểm tra và xử lý tình hình sử dụng đất kém hiệu quả của các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/8/2012 của HĐND tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh năm 2014.

8. Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo lập và nuôi dưỡng nguồn thu. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định về quản lý giá, thuế, phí đối với những mặt hàng thiết yếu do nhà nước quy định. Các cơ quan liên quan tập trung phối hợp rà soát, đối chiếu, xác minh chính xác các đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh để quản lý thuế, chống thất thu thuế. Tăng cường công tác kiểm tra việc kê khai thuế đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thu cho ngân sách. Đồng thời thực hiện đồng bộ có hiệu quả các giải pháp phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Nghiêm túc thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Hạn chế chi bổ sung ngoài dự toán. Không ban hành thêm Nghị quyết làm giảm nguồn thu và tăng chi ngân sách địa phương trong giai đoạn 2014-2015. Tổ chức rà soát lại các chính sách địa phương đã ban hành theo hướng giảm dần cơ chế bao cấp để có nguồn vốn ưu tiên chi đầu tư phát triển. Công khai minh bạch dự toán ngân sách các cấp và các đơn vị thụ hưởng ngân sách, chi dự phòng ngân sách và ngân sách hỗ trợ cho các tổ chức đảm bảo theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững. Kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước. Xây dựng nền hành chính công hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, nhạy bén, đáp ứng yêu cầu thực tiễn./.

PHẦN II: NGÂN SÁCH VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Sau khi xem xét Tờ trình của UBND số: 4024/TTr-UBND ngày 25/11/2013 về Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2012; Tờ trình số: 4025/TTr-UBND ngày 25/11/2013 về thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2013 và Dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2014; Tờ trình số: 4010/TTr-UBND ngày 25/11/2013 về thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 và kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014 kèm theo các báo cáo chi tiết, Ban Kinh tế ngân sách xin được làm rõ thêm một số vấn đề sau đây:

I. Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2012:

Báo cáo Quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2012 kèm theo hệ thống biểu mẫu, thuyết minh, cân đối phù hợp với Dự toán và giải pháp thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2012 theo nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2012.

Số báo cáo quyết toán được tổng hợp từ quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp 1, tổng hợp từ quyết toán ngân sách được HĐND thành phố Đông Hà,

thị xã Quảng Trị, huyện đảo Cồn Cỏ phê chuẩn và tổng hợp từ quyết toán ngân sách của 7 huyện thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Về số liệu:

Tổng thu ngân sách địa phương: 7.122.775.019.591 đồng.

Tổng thu cân đối: 6.520.123.802.507 đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương: 6.047.583.262.891 đồng.

Tồn quỹ: 472.540.175.616 đồng. Trong đó:

Tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh: 345.973.838.865 đồng;

Tồn quỹ ngân sách cấp huyện: 94.716.503.808 đồng;

Tồn quỹ ngân sách cấp xã: 31.849.832.943 đồng.

Số liệu phản ánh đầy đủ phạm vi thu, chi ngân sách và đã được đối chiếu với Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Báo cáo quyết toán có so sánh số quyết toán với số dự toán trên tất cả các chỉ tiêu thu, chi ngân sách. Số đề nghị quyết toán phù hợp với quy định của Luật Ngân sách, luật thuế và các quy định của pháp luật.

Trong tổng số chuyển nguồn sang năm sau thì số chuyển nguồn lĩnh vực xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng lớn, bao gồm cả số ứng trước, số tạm ứng theo hợp đồng thi công chậm hoàn trả. Trong điều kiện thắt chặt chi tiêu công, Ban Kinh tế ngân sách kiến nghị UBND tỉnh có giải pháp quyết liệt để chỉ đạo việc hoàn tạm ứng theo quy định và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2012.

II. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2013:

Về số liệu đã phản ánh trong báo cáo, Ban KTNS cơ bản thống nhất không nêu lại và có một số ý kiến về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách như sau:

Năm 2013 tăng trưởng kinh tế đạt thấp so với kế hoạch, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, sâu bệnh hại phát triển ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân, tác động trực tiếp đến việc thực hiện các chỉ tiêu thu, chi ngân sách năm 2013. Với sự triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2013; Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, nên thực hiện thu chi ngân sách của tỉnh đạt được kết quả tích cực, bảo đảm thực hiện cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm 2013.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính

hướng dẫn thực hiện gia hạn, giảm thuế GTGT, TNDN, tiền thuê đất cho các doanh nghiệp đã góp phần cùng với doanh nghiệp vượt qua khó khăn, đồng viên được nguồn thu, tạo điều kiện thu đúng, thu đủ vào ngân sách theo các sắc thuế và phí, lệ phí.

Triển khai thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên của 7 tháng còn lại trong năm 2013: Các đơn vị sử dụng ngân sách trên toàn tỉnh đã chủ động rà soát, bố trí lại nhiệm vụ chi và nghiêm chỉnh thực hiện tiết kiệm theo quy định. **Số kinh phí tiết kiệm: 20,841 tỷ đồng.** Bao gồm: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo các lĩnh vực chi: 19,746 tỷ đồng (*Ngân sách tỉnh: 11,219 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện: 5,503 tỷ đồng; Ngân sách cấp xã: 3,024 tỷ đồng*); Tiết kiệm chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia bố trí cho các nhiệm vụ chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, chi tham quan, học tập, công tác trong và ngoài nước: 1,095 tỷ đồng (*Ngân sách tỉnh: 1,076 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện: 19 triệu đồng*).

Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ phát triển: Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, hộ cận nghèo, học sinh, sinh viên. Thực hiện Chính sách bảo trợ xã hội, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập học sinh, sinh viên. Thực hiện Chính sách đối với 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, thực hiện Chính sách miễn thu thủy lợi phí.

Hiện nay kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội Trung ương chưa cân đối đủ; Ngân sách tỉnh hụt thu cân đối dự kiến 17,81 tỷ. Một số địa phương thu vượt nhưng không điều hoà được giữa các địa phương và các cấp ngân sách; Số hoàn thuế GTGT tăng hơn 1,5 lần so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 (10 tháng đầu năm 2013 hoàn thuế 514 tỷ đồng).

Ban Kinh tế ngân sách kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thu vào ngân sách nhà nước, bổ sung nguồn hụt thu cân đối; tiếp tục rà soát và kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi những bất hợp lý trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi để thực hiện tốt cân đối thu chi ngân sách giữa các địa phương và các cấp ngân sách; thanh toán các khoản ngân sách địa phương còn nợ doanh nghiệp, đồng thời có giải pháp quyết liệt trong việc thu nợ đọng của doanh nghiệp, tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp để định hướng phát triển doanh nghiệp phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối với các doanh nghiệp, các tổ chức liên quan đến hoàn thuế GTGT bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Chấn chỉnh công tác cấp, phát thẻ bảo hiểm, bảo hiểm y tế trùng lặp đối tượng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

III. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2014:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2014 được xây dựng phù hợp với quy định tại Thông tư 90/2013/TT-BTC ngày 26/6/2013 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

*** Dự toán thu NSNN trên địa bàn** được xây dựng trên cơ sở phân đầu, khả năng thực hiện năm 2013 và số kiểm tra về dự toán thu năm 2014 đã được Trung ương thông báo. Được tổng hợp toàn bộ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn).

Dự toán thu nội địa đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2013; các dự báo về tốc độ tăng trưởng sản xuất các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tình hình tiêu thụ các ngành, mức độ tồn kho các mặt hàng, sức mua và khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp; tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh. Quán triệt đầy đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo các quy định của pháp luật về thuế, chế độ thu, pháp luật thu từ xử phạt vi phạm hành chính và các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các Luật thuế mới sửa đổi, bổ sung (*Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế GTGT sửa đổi*), các khoản thu được miễn, giảm, gia hạn, điều chỉnh thuế suất theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ.

2. Dự toán thu cũng được tính toán đầy đủ các khoản thu được để lại chi theo chế độ (*học phí, phí, lệ phí khác và các khoản huy động đóng góp khác, riêng lĩnh vực y tế là giá dịch vụ khám, chữa bệnh*); Các khoản thu sự nghiệp mang tính chất giá dịch vụ kinh doanh của cơ quan, đơn vị, không thuộc nguồn thu NSNN, không đưa chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN đã được lập dự toán riêng để theo dõi, quản lý.

3. Dự toán thu nội địa (không kể khoản thu tiền sử dụng đất) là 875,62 tỷ đồng, tăng 16,9% so với ước thực hiện năm 2013 cao hơn tỷ lệ tăng thu của Trung ương quy định (tăng bình quân khoảng 12-13% so với đánh giá ước thực hiện năm 2013).

*** Dự toán chi ngân sách địa phương**

Dự toán chi NSNN được lập theo đúng các quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành, trong phạm vi số kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền thông báo. Phù hợp với định mức quy định tại Nghị quyết 17/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thời kỳ ổn định ngân sách 2011-2015.

Dự toán chi NSDP chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi theo mức độ ưu tiên; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán. Chủ động bố trí nguồn dự phòng, nguồn trả nợ vay, tạm ứng, nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương 1.150.000 đồng.

Dự toán chi thường xuyên bố trí đầy đủ các khoản chi sự nghiệp theo quy định của trung ương bao gồm: Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường, giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế và dân số, khoa học và công nghệ, thông tin và bưu chính viễn thông, sự nghiệp văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục, thể thao; chi bảo đảm xã hội, chi quản lý hành chính, quốc phòng, an ninh. Chi thực hiện chính sách địa phương ban hành tại 14 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực với tổng số kinh phí: 107,536 tỷ đồng; Thực hiện quyết định của tỉnh uỷ và UBND tỉnh 20,988 tỷ đồng; thực hiện chế độ, chính sách trung ương ban hành nhưng địa phương tự cân đối 56,556 tỷ đồng; **Tổng các khoản này năm 2014 là 185,08 tỷ đồng.**

Dự toán chi dự phòng: 67,080 tỷ đồng bằng mức trung ương giao và bằng 1,8% chi cân đối ngân sách địa phương. Đây là năm đầu tiên có tỷ lệ dự phòng ngân sách dưới 2% theo quy định của Luật Ngân sách.

Về giải pháp thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2014, Ban Kinh tế ngân sách thống nhất với các giải pháp tại báo cáo của UBND tỉnh trình và kiến nghị bổ sung một số giải pháp để Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, xem xét quyết định như sau:

Thực hiện đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ đã được ban hành thời gian vừa qua (nhất là chính sách an sinh xã hội), trên cơ sở đó lồng ghép các chính sách, thực hiện bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ ngay các chính sách, chế độ còn chồng chéo, không hiệu quả; hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách, chế độ mới (kể cả việc mở rộng đối tượng và phạm vi áp dụng của các chính sách, chế độ an sinh xã hội đang thực hiện) làm tăng chi ngân sách nhà nước. Chỉ trình cấp có thẩm quyền quyết định các chính sách khi thực sự cấp thiết và cân đối được nguồn lực, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Rà soát các chương trình, đề án để lồng ghép, giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo, lãng phí, sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập về cả tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính để đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ công và nguồn lực phát triển sự nghiệp công. Phân định rõ loại dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công thực hiện, loại dịch vụ do các đơn vị ngoài công lập thực hiện; tích cực xây dựng khung giá, phí dịch vụ các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng có phân loại để điều chỉnh: loại đơn vị có thể điều chỉnh giá, phí để tính đủ tiền lương; loại đơn vị có thể điều chỉnh giá, phí tính đủ tiền lương, một phần hoặc toàn bộ chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo các mức giá, phí để xác định mức hỗ trợ từ ngân sách cho phù hợp.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, đặc biệt là mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; dự toán chi cho các nhiệm vụ này

không tăng so với số thực hiện năm 2013 (sau khi đã tiết kiệm 30% dự toán năm 2013).

Các đơn vị, địa phương thực hiện chỉ sự nghiệp kinh tế trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định, tập trung bố trí chỉ cho những nhiệm vụ quan trọng: Duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi,...) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; Tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ trong tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện dự toán nếu có tăng thu hoặc khi HĐND tỉnh thông qua Đề án số lượng chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn, khu phố, thôn, bản kinh phí thực hiện giảm tương ứng ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách để chủ động thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

IV. Tình hình thực hiện kế hoạch XDCB năm 2013

Kết quả thẩm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn XDCB năm 2013, Ban KTNS nhận thấy: Tổng vốn thực hiện đầu tư phát triển do địa phương quản lý 1.957,274 tỷ đồng tăng 323,073 tỷ đồng, bằng 119,7% so với kế hoạch giao đầu năm. Trong bối cảnh Chính phủ tiếp tục thực hiện thắt chặt đầu tư công thì nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển trên đây thật sự có ý nghĩa rất lớn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhà. Nguồn vốn được bố trí tập trung hơn, tình trạng đầu tư dàn trải từng bước được khắc phục, nợ đọng XDCB giảm. Các dự án khởi công mới giảm mạnh, ưu tiên tập trung vốn cho các dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch và các dự án chuyển tiếp. Hầu hết các dự án hoàn thành đều được cân đối, bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm).

Trong điều hành, thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn số 7356/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh; điều chỉnh phân kỳ đầu tư 31 dự án với tổng mức đầu tư 4.877 tỷ đồng xuống còn 3.193 tỷ đồng, giảm 1.684 tỷ đồng (BQ 54,3 tỷ đồng/dự án). Riêng năm 2013 điều chỉnh phân kỳ đầu tư 10 dự án với tổng mức đầu tư 1.421 tỷ đồng xuống còn 841 tỷ đồng, giảm 580 tỷ đồng (BQ 58 tỷ đồng/dự án); Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được chấn chỉnh theo hướng tiến bộ; tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn có chuyển biến tích cực so với nhiều năm trước đây; nợ đọng xây dựng cơ bản đã giảm dần và được kiểm soát.

Tuy vậy, thực hiện kế hoạch XDCB còn một số hạn chế vướng mắc như sau:

Kế hoạch trả nợ vốn vay đầu tư phát triển chưa rõ ràng; nợ ứng trước và nợ tạm ứng vốn xây dựng cơ bản chậm thanh toán; công trình hoàn thành chậm quyết toán chờ điều chỉnh giá ngày càng phổ biến và có chiều hướng gia tăng; chuyển nhiệm vụ chi trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chuyển nhiệm vụ chi qua năm sau; tình trạng đẩy tổng mức đầu tư các dự án lên cao của các chủ đầu tư và nhà tư vấn thiết kế đang ở mức báo động (*Sau khi rà soát công trình, tổng mức đầu tư giảm 34-40%*); thực hiện giải phóng mặt bằng để xây dựng một số dự án còn khó khăn, thiếu đồng bộ, chậm tiến độ.

Ban Kinh tế ngân sách kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh xây dựng phương án đề trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các công trình, dự án đầu tư thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ trước khi trình Chính phủ quyết định giao kế hoạch. Khi có quyết định của Chính phủ giao kế hoạch XDCB thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, UBND tỉnh thông nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao UBND tỉnh chủ động xây dựng phương án trả nợ vốn vay xây dựng cơ bản, tiếp tục bố trí trả nợ 30% số nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản, đề xuất giải pháp để thu hồi vốn ứng trước, xử lý nợ tạm ứng vốn XDCB và quyết toán công trình hoàn thành, giảm hẳn chuyển nhiệm vụ chi qua năm sau đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trình Hội đồng nhân dân quyết định để thực hiện.

Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo mở rộng đối tượng tập huấn về kỹ năng vận động và tổ chức thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ.

Đề xuất ban hành cơ chế khuyến khích, động viên về khai thác quỹ đất để phát triển cơ sở hạ tầng trong tỉnh.

V. Về kế hoạch XDCB năm 2014

- Thứ nhất, Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sau khi có quyết định giao kế hoạch của Bộ Kế hoạch đầu tư, kiến nghị UBND tỉnh thông nhất với Thường trực HĐND ban hành quyết định triển khai thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 11. Đồng thời dự kiến kế hoạch XDCB thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ năm 2015 báo cáo với HĐND tỉnh cho ý kiến tại kỳ họp giữa năm 2014 trước khi trình Bộ Kế hoạch đầu tư thẩm định trình Chính phủ phê duyệt.

- Thứ hai, đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối (XDCB tập trung) kiến nghị HĐND tỉnh thông nhất phương án phân bổ của UBND tỉnh đề xuất. Ưu tiên bố trí nguồn vốn để xử lý nợ đọng XDCB theo lộ trình đến năm 2015 mỗi năm bình quân 30% số nợ để thanh toán.

Rà soát phân loại toàn bộ danh mục dự án công trình đến năm 2015 cơ bản hoàn thành các dự án thi công dở dang; bố trí nguồn vốn trả nợ vốn vay XDCB.

Thống nhất phương án cấp quản lý ngân sách nào làm chủ đầu tư, có sử dụng nguồn vốn vay hoặc có dự án bố trí không phù hợp với quy định bị Trung ương thu hồi vốn thì cấp đó phải bố trí vốn trong nguồn phân cấp để trả nợ.

- **Thứ ba**, bố trí công trình có khả năng hoàn thành trong năm; ưu tiên bố trí vốn xây dựng Trụ sở HĐND, Trụ sở tiếp công dân và mở rộng khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Trụ sở Sở Nội vụ.

- **Thứ tư**, kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất phương án quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất theo phương án của UBND tỉnh trình. Cấp huyện có thể áp dụng theo cơ chế của tỉnh.

- **Thứ năm**, kiến nghị UBND tỉnh đề xuất giải pháp để thu hồi vốn ứng trước, nợ tạm ứng vốn XDCB, đẩy nhanh quyết toán công trình hoàn thành, chấn chỉnh chuyển nhiệm vụ chi qua năm sau đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trình Hội đồng nhân dân quyết định để thực hiện.

VI. Sửa đổi một số khoản thu tại Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 về Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phân chia các khoản thu thời kỳ ổn định 2011 - 2015 và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nghị quyết này đã được sửa đổi nhiều lần, tuy vậy trong quá trình thực hiện vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với quy định mới của Chính phủ ban hành.

Lần này, Ban Kinh tế ngân sách kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 4057/TTr-UBND ngày 27/11/2013 về Sửa đổi một số khoản thu tại Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010. Trong đó: Đổi tên khoản thu **“phí xăng dầu”** thành **“thuế bảo vệ môi trường”**; **“thuế nhà đất”** thành **“thuế sử dụng đất phi nông nghiệp”** và tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách cho khoản thu thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010.

Trong quá trình giám sát, nhiều địa phương kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh không phân cấp về xã các khoản thu thuế GTGT, thuế TNDN của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Lý do: Trước đây phân cấp nguồn thu để khai thác, động viên kịp thời từ cơ sở nhưng hiện nay doanh nghiệp làm ăn thua lỗ không có phát sinh số thuế nên địa phương không có số thu và hụt thu cân đối theo phân cấp, không điều chuyển được giữa các địa phương.

Vì vậy, Ban Kinh tế ngân sách kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh tỷ lệ phân chia các khoản thu nói trên theo hướng không phân cấp về xã và thị trấn mà giao 100% cho cấp huyện cân đối. Đồng thời ban hành nghị quyết riêng cả 02 nội dung, điều chỉnh trên để thực hiện cho giai đoạn ổn định ngân sách 2014-2015.

PHẦN III.

PHƯƠNG ÁN GIÁ ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ ĐÔ THỊ NĂM 2014

Xét Tờ trình số 4027/TTr-UBND kèm theo Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh về xây dựng, điều chỉnh giá các loại đất và phân loại đường phố khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2014, Ban KTNS-HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

I. Về cơ sở pháp lý và quy trình ban hành.

Năm 2014 là năm cuối của việc thực hiện Luật đất đai năm 2003 sau khi Quốc hội thông qua Luật đất đai sửa đổi năm 2013. Việc UBND tỉnh xây dựng giá đất trình HĐND tỉnh quyết định nhằm làm căn cứ thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, cá nhân sử dụng đất, đồng thời bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền bồi thường đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây thiệt hại cho Nhà nước là thực hiện theo đúng quy định của pháp Luật Đất đai năm 2003 hiện hành.

Về quy trình, cơ sở xây dựng giá các loại đất năm 2014 được các cơ quan chuyên môn thực hiện phù hợp với các quy định của Chính phủ, gồm 4 bước theo Báo cáo đề án và đã được chính quyền các cấp thống nhất đề xuất.

Ban KTNS cơ bản thống nhất với các nội dung về phương án giá đất và phân loại đường phố năm 2014 đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định với các nội dung chính như sau:

1. Về giá đất: So với giá đất năm 2013 theo Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của HĐND tỉnh, giá đất năm 2014 được điều chỉnh cụ thể như sau:

1.1. Đất nông nghiệp: Điều chỉnh đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất: Tăng 30% ở tất cả các vị trí.

1.2 Đất ở:

- Điều chỉnh Đất ở nông thôn xã trung du và miền núi tăng vị trí 2, 3, 4 khu vực 1 và 4 vị trí khu vực 2, khu vực 3 từ 25 -100% tùy theo từng vị trí để tương ứng phù hợp với giá các loại đất nông nghiệp (vì hiện tại giá đất ở tại khu vực này thấp hơn so với giá đất nông nghiệp cùng khu vực).

- Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 1 A qua các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hải Lăng có vị trí sinh lợi cao, điều chỉnh tăng 50% vị trí 1 khu vực 1 và khu vực 2; tăng 30% vị trí 1 khu vực 3 nhằm sát với thực tế và để áp dụng trong công tác bồi thường GPMB mở rộng Quốc lộ 1 A sắp tới.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn điều chỉnh tương ứng bằng 70% giá đất ở thuộc các xã cùng loại.

- Điều chỉnh Đất ở tại đô thị thành phố Đông Hà (bảng 8.1) tăng 10% đối với vị trí 1; 20% đối với vị trí 2 và 10% đối với vị trí 3, 4 tất cả các loại đường phố.

- Đất ở tại thị xã Quảng Trị (bảng 8.2) chỉ điều chỉnh tăng 30% cho loại đường phố 1a.

- Điều chỉnh tuyến đường Quốc lộ 1A đi qua các thị trấn Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng lên loại đường phố 1b và 1c để đảm bảo có giá cao hơn đất ở nông thôn (tại bảng 6.3).

- **Bổ sung đất nghĩa trang, nghĩa địa** bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

- Các loại đất còn lại giữ nguyên theo Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của HĐND tỉnh.

2. Về phân loại đường phố đô thị năm 2014:

Ban KTNS thống nhất với phương án đề nghị của UBND tỉnh về điều chỉnh tăng, giảm và điều chỉnh lý trình đường phố trên địa bàn tỉnh năm 2014 như sau:

- **Thành phố Đông Hà: Điều chỉnh lý trình và nâng loại đường phố 08 đoạn; điều chỉnh giảm loại đường phố 11 đoạn; đặt tên đường 59 đoạn (theo Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh về việc đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường trên địa bàn thành phố Đông Hà).**

- **Thị xã Quảng Trị: Xếp loại mới 01 đoạn; điều chỉnh loại đường 06 đoạn.**

- **Thị trấn Lao Bảo: Xếp loại mới 01 đoạn; điều chỉnh giảm loại đường 01 đoạn và điều chỉnh lý trình 25 đoạn.**

- **Thị trấn Khe Sanh: Điều chỉnh giảm loại đường 01 đoạn; điều chỉnh nâng loại đường phố 20 đoạn.**

- **Thị trấn Hải Lăng: Điều chỉnh nâng loại đường phố 03 đoạn.**

- **Thị trấn Cam Lộ: Điều chỉnh lý trình và đổi tên đường 28 đoạn.**

- **Thị trấn Krôngkhang: Điều chỉnh lý trình: 03 đoạn.**

- **Thị trấn Gio Linh: Điều chỉnh lý trình: 07 đoạn và điều chỉnh nâng loại đường phố 03 đoạn.**

- **Thị trấn Ái Tử: Xếp loại mới 03 đoạn.**

- **Thị trấn Hồ Xá: Điều chỉnh loại đường phố 04 đoạn.**

- **Thị trấn Cửa Tùng: Điều chỉnh lý trình 02 đoạn.**

3. Phân loại xã theo vùng.

3.1. Phân loại xã theo vùng cơ bản được giữ nguyên như năm 2013 theo Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của HĐND tỉnh. Chỉ điều chỉnh một phần xã miền núi Hải Thái; một phần xã trung du của các xã: Gio Châu, Gio Phong, Trung Sơn, Gio Quang.

3.2. Bổ sung phân loại đất nông nghiệp trong đô thị:

Các phường tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các thị trấn: Hồ Xá, Cửa Tùng, Gio Linh, Cửa Việt, Ái Tử, Hải Lăng **giá đất như xã đồng bằng**; Thị trấn Cam Lộ **giá đất như xã trung du**; Các thị trấn: Khe Sanh, Lao Bảo, ĐaKrông, Bến Quan **giá đất như xã miền núi.**

III. Nhận xét về nội dung và kiến nghị.

Việc xây dựng giá đất trình HĐND tỉnh quyết định lần này là thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003. Quy trình, cơ sở xây dựng giá các loại đất và phân loại đường phố áp dụng năm 2014 được thực hiện đầy đủ qua 04 bước; được tổ chức hội nghị bàn thảo lấy ý kiến và đã được các cấp chính quyền thống

nhất đề xuất trước khi trình HĐND tỉnh quyết định. Tuy nhiên, xét về tổng thể nội dung thang Bảng giá đất đề xuất điều chỉnh lần này mới nhằm giải quyết tháo gỡ khó khăn bức bách trong công tác GPMB ở một số khu vực; chưa xây dựng tăng, giảm giá đất có tính khoa học trên một tổng thể chung toàn tỉnh; chưa lấy kết quả đấu giá đất làm cơ sở chính để xác định ngang giá thị trường mà chỉ lấy mức độ tăng, giảm giá tương đối của đấu giá đất làm giá suy rộng nên giá đất vẫn chưa đảm bảo khách quan sát với giá thị trường, và khoảng cách giá đất ở các khu vực giữa các vị trí còn chênh lệch khá lớn.

Tuy vậy, để đảm bảo kịp thời ban hành giá đất đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐND tỉnh thông qua phương án giá đất, phân loại đường phố đô thị năm 2014; đồng thời UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, địa phương xác định công tác điều tra, xây dựng giá đất hàng năm là nhiệm vụ công tác trọng tâm khoa học; cần ưu tiên tập trung đầu tư công sức để tiếp tục xây dựng, điều chỉnh hoàn thiện Bảng giá đất sát đúng và phù hợp cho giai đoạn các năm tiếp theo.

- **Nguyên tắc phân loại đường phố:** Ban KTNS thống nhất với báo cáo đề xuất của UBND tỉnh và đề nghị bổ sung thêm nội dung sau trước khi ban hành:

Thực hiện điều chỉnh tăng, điều chỉnh giảm hoặc điều chỉnh lý trình đường phố theo nguyên tắc: + Điều chỉnh tăng khi được Nhà nước đầu tư nâng cấp hoặc có một số đường phố còn bất hợp lý cần phải điều chỉnh tăng.

+ Điều chỉnh giảm giảm đường phố khi đường bị xuống cấp hoặc có một số đường phố còn bất hợp lý cần phải điều chỉnh giảm.

- **Về Bảng khung giá các loại đất:** Bảng khung giá đất trình hiện đang chỉ mang tính chính xác tương đối. Vì vậy, nên tính đổi quy tròn số để dễ áp dụng thực hiện. (Ví dụ: Vị trí 2 của Đường phố 1a thành phố Đông Hà giá 2.903 triệu đồng/m² nên làm tròn 2.900 triệu đồng/m²).

- **Về phân loại tuyến phố:** Các tuyến phố cần tiếp tục rà soát thống nhất xác định khoảng cách tuyến đường theo biên số nhà hoặc xác định theo mốc lộ giới của đường trước khi ban hành quyết định tổ chức thực hiện. (Hạn chế việc lấy tên chủ nhà làm mốc giới xác định vị trí khoảng cách các loại tuyến phố như trong báo cáo để đảm bảo tính khoa học, chính xác. Do thực tế tên chủ nhà thường thay đổi, biến động không cố định).

- **Một số vấn đề liên quan quản lý giá đất.**

Đề nghị UBND tỉnh giao Sở TNMT chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh kiểm tra rà soát và thông báo lại toàn bộ Hợp đồng thuê đất của các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn đã hết thời gian thuê đất ổn định theo giá thuê đất cũ (ổn định 5 năm) để tiến hành ký lại hợp đồng thuê theo đơn giá đất hiện hành nhằm chống thất thu cho ngân sách tỉnh. (Ví dụ: Hiện còn các đơn vị chưa ký lại hợp đồng thuê đất theo đơn giá mới như Công ty Minh Hưng (Cam Lộ), Công ty TNHH MTV Cấp nước và XD Quảng Trị (địa bàn Cam Lộ), CTCP TM Việt Hồng Chính, Công ty Yên Loan...theo Báo cáo của Cục thuế tỉnh).

PHẦN CUỐI
THẨM TRA CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ban KTNS cơ bản thống nhất với các Dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình kỳ họp và đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, số liệu và giải pháp trong Báo cáo thẩm tra của Ban trình kỳ họp được chủ tọa kết luận đưa vào các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách; Kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định ./.

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: VT, CTHĐ.



TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TRUNG ƯƠNG
BAN HÀNH NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG PHẢI ĐẢM BẢO KINH PHÍ
(Kèm theo Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế ngân sách tại kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Nội dung	Bổ trí dự toán năm 2014
I	Bổ trí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	107.536
1	Tổ chức mạng lưới thú y cơ sở; Phát triển một số giống cây trồng vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010-2015 và phát triển chăn nuôi tính Quảng Trị giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020 theo Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 30/7/2009 của HĐND tỉnh.	13.415
2	Đề án tổ chức và chính sách hệ thống khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công đến năm 2010, chiến lược đến năm 2020 (NQ số 12/2007/NQ-HĐND ngày 10/8/2007 của HĐND tỉnh)	9.226
3	Chính sách lực lượng bảo vệ dân phố theo NQ số 09/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2011 của HĐND tỉnh.	5.093
4	Cán bộ chuyên trách theo Nghị Quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh về chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố (đối tượng ngoài ND 92/2010/ND-CP ngày 22/10/2009 của Chính Phủ và phần 1/3 NSDP phải đảm bảo cho đối tượng thuộc ND 92/2009/ND-CP).	28.546
5	Đề án nâng cấp trang thiết bị đảm bảo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, công tác quần sự quốc phòng từ năm 2011 - 2015 theo Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh về việc mua sắm, sửa chữa trang thiết bị bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, công tác quần sự, quốc phòng địa phương từ năm 2011 - 2015.	1.500
6	Một số chế độ phục vụ hoạt động của HĐND theo NQ số 13/NQ-HĐND ngày 12/8/2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, NQ số 11/2012/NQ-HĐND ngày 16/8/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh.	19.971
7	Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 08/4/2008 của HĐND tỉnh về chính sách và kế hoạch đào tạo đổi mới ngũ cán bộ cơ sở người dân tộc thiểu số từ năm 2008-2010, chiến lược đến năm 2020; Đào tạo trung cấp nghiệp vụ Công an xã.	2.100
8	Đào tạo thu hút	8.228
9	Chương trình giải quyết việc làm theo Nghị quyết 07/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh về chương trình mục tiêu việc làm - dạy nghề tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2015	2.800
10	Nghị quyết 06/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh về Chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.	10.337
11	Kinh phí phổ cập bậc trung học tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012 - 2020 theo NQ số 17/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 của HĐND tỉnh.	700
12	Đào tạo nghề, CB người dân tộc theo NQ 06, 07/2008/NQ-HĐND.	2.100
13	Thực hiện Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tỉnh giai đoạn 2009 - 2015.	500
14	Nghị quyết 11/NQ-HĐND chính sách đào tạo nâng cao năng lực y tế	3.020

II Thực hiện các Quyết định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh		20.988
1	Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của UBND tỉnh.	2.821
2	Bồi dưỡng tiếp công dân (Quyết định 1511/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức tiếp công dân tại tỉnh Quảng Trị) và rà soát thủ tục hành chính (Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	1.467
3	Đề án của Hội liên hiệp phụ nữ	1.285
4	Lương, phụ cấp cán bộ tăng cường làm công tác XDGN	1.889
5	Kinh phí xây dựng lịch sử đảng bộ xã	775
6	Phụ cấp Hội đặc thù theo Quyết định 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh về việc xác định hội có tính chất đặc thù và chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	4.251
7	KP thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do UBNDTTQVN cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 về việc Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do UBNDTTQVN cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.	560
8	Đối ứng chương trình bảo vệ trẻ em (Chương trình số 753/Ctr-UBND ngày 13/4/2011 của UBND tỉnh)	500
9	Kinh phí hỗ trợ các địa phương thực hiện một số chế độ của tỉnh, huyện, thành thị ủy theo quy định 13/QĐ-TU ngày 01/12/2009 của Tỉnh ủy	7.440
III Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách Trung ương ban hành nhưng địa phương tự cần đối		56.556
1	Chính sách người có uy tín trong DBDTS theo QĐ 18	634
2	Nâng mức tiền thưởng kèm theo huy hiệu Đảng	7.500
3	Quỹ thi đua khen thưởng	8.400
4	Kinh phí giám sát đầu tư công đồng theo TTLT số 04/2006/TTLT-BKHĐT-UBTUMTTQVN-BTC ngày 04/12/2006 của KH&ĐT – UBNDTTQVN - Bộ Tài chính hướng dẫn QĐ 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư công đồng.	614
5	Hỗ trợ hoạt động chi hội MT, đoàn thể xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn.	2.956
6	Thanh tra nhân dân theo TTLT số 40/2006/TTLT-BTC-BTUBNDTTQVN-TLĐBVN ngày 12/5/2006 của Liên tịch Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.	564
7	Nâng lương định kỳ	22.124
8	Kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng	4.200
9	Kinh phí tổ chức các kỳ thi của ngành giáo dục trên cơ sở quy định mức chi của Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BCDDT ngày 26/4/2012	3.000
10	Xếp chuyên lương 3.5 (chuyên đối theo HD 34)	3.608
11	Hỗ trợ các chi hội thuộc các tổ chức CT-XH xã vùng khó theo TT49/2012/TT-BTC	2.956
Tổng cộng		185.080